

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT  
Ngày: 27-5-2020  
“V/v Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Rết;  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành;  
Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Châu Nhật Nguyên –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27-5-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 17/2019/KDTM-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT, ngày 24-02-2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần P. Địa chỉ: đường L, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường X, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 70, đường Xà Lan, khóm 5, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**- Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Chí C là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 13-5-2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn N trình bày:*

Vào ngày 01-6-2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có lập hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN cho bà Lê Thị Ngọc H và ông Nguyễn Chí C vay số tiền là 900.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh mua bán thịt trâu, thịt bò. Loại hình cho vay từng lần với lãi suất cho vay 10%/năm trong 06 tháng đầu và tháng thứ 07 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 02-6-2016.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 163/2015/BĐ ngày 14-5-2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 0219/2016/SĐBS-HĐBĐ ngày 01-6-2016, gồm: Phần đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 225,3m<sup>2</sup> tọa lạc khóm 5, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số vào sổ cấp GCN: CH 00351 được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 11-5-2012 cho ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H có thanh toán được 392.769.766 đồng tiền vốn và 167.794.732 đồng tiền lãi tính đến ngày 22-11-2019.

Tính đến ngày 22-11-2019, ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền vốn là 477.230.234 đồng, tiền lãi là 257.209.151 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 732.439.385 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Văn Năm yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền vốn là 477.230.234 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22-11-2019 là 257.209.151 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 734.439.385 đồng, cùng với số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

\* Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phía đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng các bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Chí C thừa nhận có vay của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng TMCP P) số tiền là 870.000.000 đồng và hiện còn nợ số tiền vốn 477.230.234 đồng.

\* Vụ án được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 317; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền vốn vay còn nợ là 477.230.234 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 257.209.151 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 734.439.385 đồng.

Kể từ ngày 23/11/2019 bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN ngày 01/06/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là: Phần đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 225,3m<sup>2</sup>, ngôi nhà xây trên đất có diện tích 156,1m<sup>2</sup>, kết cấu tường gạch, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch và các tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc số 70, đường Xà Lan, khóm 5, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BE 280556 số vào sổ cấp GCN: CH 00351 được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 11/5/2012 cho ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 33.377.575 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

\* Ngày 18-12-2019, bị đơn ông Nguyễn Chí C có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng; và yêu cầu xem xét lại phần lãi suất và án phí cho vợ chồng ông trả số tiền vốn và lãi theo biên bản làm việc ngày 19-3-2018 với Giám đốc Ngân hàng TMCP P mỗi ngày là 800.000 đồng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chí C nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thành phố S vào ngày 18-12-2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Ngọc H nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng:

[3] Bị đơn ông Nguyễn Chí C thừa nhận có vay của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng TMCP P) số tiền là 870.000.000 đồng và hiện còn nợ số tiền vốn 477.230.234 đồng theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn và Hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN ngày 01-6-2016, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Chí C cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng vì không triệu tập vợ chồng ông tham gia phiên tòa ngày 22-11-2019. Xét thấy, tại Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2019/QĐST-DS, ngày 08-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S (gọi tắt là Quyết định số 124) đã quyết định hoãn phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP P với bị đơn Nguyễn Chí C, Lê Thị Ngọc H và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa là vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 22-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S; Tại khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP, ngày 03-12-2012, hướng dẫn thi hành một số quy định chung trong phần thứ hai “thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định với nội dung “*Quyết định hoãn phiên tòa được coi như giấy triệu tập mới đối với đương sự, nếu trong quyết định đã ghi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa*”, mặc dù Nghị quyết này hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 nhưng sau khi

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được ban hành và có hiệu lực, chưa có văn bản pháp luật nào hủy bỏ Nghị quyết trên nên cần áp dụng nội dung này trong Nghị quyết để xử lý tình huống kháng cáo của bị đơn. Như vậy, căn cứ “Biên bản cấp tổng đạt thông báo, văn bản tố tụng” ngày 09-11-2019 (bút lục 68) thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 124 cho bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H do người làm công cho ông C và bà H là Nguyễn Thị Lan nhận thay nên kháng cáo của bị đơn ông C về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập vợ chồng ông tham gia phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

Đến giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập bà Lan để kiểm tra tính hợp pháp việc triệu tập bị đơn của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng bà Lan không hợp tác nên không có cơ sở xem xét yêu cầu này của ông C.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 01-6-2016, giữa ông Nguyễn Chí C, bà Lê Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP P ký kết Hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN, với nội dung là ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H vay của Ngân hàng TMCP P số tiền là 900.000.000 đồng, lãi suất cho vay 10%/năm trong 06 tháng đầu và tháng thứ 07 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, phương thức vay là từng lần, trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Để thực hiện hợp đồng, ngày 02-6-2016 Ngân hàng đã giải ngân và ông C, bà H đã nhận số tiền 870.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay, bị đơn ông Nguyễn Chí C, bà Lê Thị Ngọc H chỉ thanh toán được tiền vốn là 392.769.766 đồng (còn nợ 477.230.234 đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22-11-2019 là 167.794.732 đồng (còn nợ lãi quá hạn là 257.209.151 đồng). Như vậy, ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN ngày 01-6-2016 đã được ký kết. Từ cơ sở trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P, buộc ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H trả vốn và lãi vay còn nợ theo như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản đảm bảo: Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất số 163/2015/ĐĐ ngày 14/5/2015 được ký kết, bên thế chấp là ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H đã đồng ý thế chấp tài sản gồm: phần đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 225,3m<sup>2</sup> và căn nhà xây trên đất có diện tích 156,1m<sup>2</sup>, tọa lạc số 70, đường Xà Lan, khóm 5, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BE 280556, cấp ngày 11/5/2012 cho với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TNCP P - Chi nhánh Sóc Trăng; và thỏa thuận “*Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ*”. Tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín*

*dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật..”*. Như vậy, việc thỏa thuận của ông C, bà H với Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Việc thế chấp các tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản của người thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tính lãi suất mỗi tháng: Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN, ngày 01/6/2016, bên vay là vợ chồng ông C và Ngân hàng đã có thỏa thuận rõ về lãi suất vay, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông C, bà H trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 734.439.385 đồng và tuyên buộc các bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 23-11-2019 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn ông C là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn vợ chồng ông C, bà H có nộp một khoản tiền vốn cho Ngân hàng thì việc trả vốn này sẽ được khấu trừ tại giai đoạn thi hành án.

[8] Đối với kháng cáo của bị đơn Nguyễn Chí C về việc đề nghị được trả tiền vốn và lãi với số tiền 800.000 đồng/ngày theo như biên bản làm việc giữa ông C và Giám đốc Ngân hàng. Xét thấy, việc thỏa thuận phương thức thanh toán nợ được thực hiện theo kết quả thỏa thuận giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP P và các bị đơn, nên yêu cầu này của ông C, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch với số tiền là 33.377.575 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Chí C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là

ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

*“- Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*

*- Căn cứ: Điều 317; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*- Căn cứ: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.*

*1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền vốn vay còn nợ là 477.230.234 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 257.209.151 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 734.439.385 đồng.*

*Kể từ ngày 23/11/2019 bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0219/2016/HĐTD-CN ngày 01/06/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.*

*2. Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là: Phần đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 36, diện tích 225,3m<sup>2</sup>, ngôi nhà xây trên đất có diện tích 156,1m<sup>2</sup>, kết cấu tường gạch, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch và các tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc số 70, đường Xà Lan, khóm 5, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số BE 280556 số vào sổ cấp GCN: CH 00351 được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 11/5/2012 cho ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H.*

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 33.377.575 đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.286.690 đồng theo biên lai số 0007517 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

4. Về chi phí tố tụng (thẩm định): Số tiền là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước theo phiếu thu số 101 ngày 26/6/2019 nên bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị Ngọc H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền là 950.000 đồng. ”

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001555 ngày 26-12-2019 và biên lai số 0001586, ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Chí C đã nộp xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố S (01);
- Chi cục THADS TP S (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu: VP-HSVA (06).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Thái Rết**